TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HC –ST
Ngày 18/9/2023
"Khiếu kiện hành vi hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Ngọc Tân
2. Ông Nguyễn Công Tụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hướng- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 02/2023/ TLST - HC ngày 15 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST- HC ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị G: Ông Phạm Hữu L và ông Phạm Hữu G1 - Là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phạm Hữu L và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh T.

Địa chỉ: Số nhà C, đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Duy B, công chức Tư pháp xã A;

(tại phiên tòa có mặt bà G, ông L, ông Đ, ông B; vắng mặt ông G1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người khởi kiện bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Công Đ1 tại Ủy ban nhân dân xã A (*sau đây viết tắt là UBND xã A),* huyện Q, tỉnh Thái Bình vào năm 1981. Năm 1983, UBND xã cấp đất ở tại thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình với diện tích là 456m^2, trong đó đất ở là 300m^2 và 156m^2 đất cây lâu năm (Nay là thửa đất số 383 tờ bản đồ số 01 địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình). Gia đình bà G vẫn sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề, không có lấn chiếm về hành lang giao thông. Năm 2021, bà G đến trụ sở UBND xã A để làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên nhưng UBND xã A giải thích bà chỉ được làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 200m^2 đất ở nông thôn chứ không làm được 300m^2 đất ở nông thôn. Sau đó bà xuất trình các tài liệu liên quan đến thửa đất 383 tờ bản đồ số 01 địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình như sổ đăng ký đất đai năm 1993, Thông báo nộp thuế của Chi cục thuế huyện Q đối với diện tích đất ở là 300m^2, ngoài ra UBND xã A có thông báo về việc nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (thuế nhà đất) số 12 ngày 16/7/2012 đối với diện tích đất là 300m^2 nhưng không được chấp nhận. Bà G nhiều lần đến UBND xã gặp chủ tịch UBND xã A để đề nghị được xem xét xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Chủ tịch UBND xã A có lời lẽ, thái độ ứng xử không đúng mực đối với bà nên bà rất bức xúc. Sau đó ông Chủ tịch UBND xã còn có hành vi bêu rếu bà tại các cuộc họp và trên loa truyền thanh của xã.

Ngày 07/3/2023 bàNguyễn Thị Gái đến UBND xã A nộp đơn đề nghị ghi ngày 06/3/2023, đề nghị UBND xã A làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên trong đó diện tích đất ở là 300m2, đất trồng cây lâu năm khác là 156m2, được ông Nguyễn Duy B công chức tư pháp UBND xã A xác nhận vào đơn với nội dung: *"Kính gửi các cơ quan có thẩm quyền, bà Nguyễn Thị G là công dân xã A có đơn đề nghị UBND xã để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại bộ phận tiếp nhận và trả lời kết quả của U trong thời gian vừa qua UBND huyện và Văn phòng đăng ký đất đai chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình tại xã A là 200m^2 đất thổ cư, do vậy bộ phận tiếp công dân và tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả củ UBND xã không tiếp nhận đơn và hồ*

sơ như bà G đề nghị là 300m^2. Do đó không đúng với quy định trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công dân trong địa bàn xã A".

Do thấy danh dự, nhân phẩm của mình không được tôn trọng, quyền lợi của mình bị xâm phạm nên bà khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, yêu cầu:

- Ông Chủ tịch UBND xã A phải chấm dứt các hành vi, lời lẽ thái độ không đúng mực đối với bà, phải công khai xin lỗi bà.

- UBND xã A phải tiếp nhận hồ sơ, làm thủ tục đề nghị Cơ quan Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với: Thửa đất số 383, tờ bản đồ số 01, diện tích là: 456 m^2, trong đó gồm 300 m^2 đất ở và 156 m^2 đất cây lâu năm tại địa chỉ Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình theo đúng các quy định của pháp luật đất đai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà G trình bày bổ sung: Đề nghị UBND xã A, huyện Q tiếp nhận, xác nhận thủ tục làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị G theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 01, diện tích là: 456 m^2, trong đó gồm 300 m^2 đất ở và 156 m^2 đất cây lâu năm tại địa chỉ Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật của UBND xã A trình bày:

- Ông đại diện cho UBND xã A luôn giữ thái độ chuẩn mực của cán bộ công chức khi tiếp xúc với công dân, hoàn toàn không có lời lẽ, thái độ không đúng mực, không tôn trọng bà G; không có hành vi, lời lẽ bêu rếu bà G trong hội nghị cũng như loa truyền thanh của xã. Ông không chấp nhận yêu cầu của bà G về việc buộc ông phải chấm dứt các hành vi, lời lẽ thái độ không đúng mực đối với bà, phải công khai xin lỗi bà.

- Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị G về tiếp nhận, xác nhận hồ sơ theo yêu cầu của bà G để bà G làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 383 tờ bản đồ số 01 diện tích 456m^2, địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Duy B trình bày:* Ông là công chức Tư pháp xã tham mưu, giúp việc cho UBND xã A, ngày 07/3/2023 bà Nguyễn Thị G đã đến UBND xã (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả) của UBND xã A, ông là người đã trực tiếp xác nhận vào mặt sau đơn đề nghị của bà G đề ngày 06/3/2023 với nội dung như bà G trình bày ở trên. Ông nhất trí với lời trình bày của Chủ tịch UBND xã A

và sẵn sàng tiếp nhận đơn và hồ sơ, xác nhận hồ sơ để bà G làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 01, diện tích là: 456 m^2, tại địa chỉ Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình của bà G.

Tại biên bản đối thoại và tranh luận tại phiên tòa: Bà G không chấp nhận ý kiến của UBND xã A và ông Chủ tịch UBND xã về việc ông không có lời lẽ, thái độ không đúng mực, không tôn trọng bà G; không có hành vi, lời lẽ bêu rếu bà G trong hội nghị cũng như loa truyền thanh của xã. Nếu UBND xã đồng ý yêu cầu xác nhận hồ sơ cho bà để bà G làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 01, diện tích là: 456 m^2, trong đó gồm 300 m^2 đất ở và 156 m^2 đất cây lâu năm tại địa chỉ Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thì bà cũng đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Người khởi kiện, người bị kiện đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G về việc buộc Ủy ban nhân dân xã A phải tiếp nhận, xác nhận hồ sơ theo yêu cầu của bà G để bà G làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Không giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu: Ông Nguyễn Văn Đ, chủ tịch UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình phải chấm dứt các hành vi, lời lẽ thái độ không đúng mực đối với bà, phải công khai xin lỗi bà do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về án phí: UBND xã A phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện: Ngày 07/3/2023 bà Nguyễn Thị G đã đến UBND xã A để nộp đơn đề nghị, hồ sơ để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không được UBND xã A tiếp nhận. Do đó ngày 15/5/2023 bà G khởi kiện hành vi hành chính đối với UBND xã A. Như vậy hành vi hành chính của UBND xã A đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà G, cho nên bà G có quyền khởi kiện. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2011/HĐTP – TANDTC ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì đây là hành vi hành chính thuộc đối

tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Hành vi hành chính xảy ra ngày 07/3/2023, ngày 15/5/2023 bà G khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thẩm quyền:

- Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu: ông Nguyễn Văn Đ, chủ tịch UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình phải chấm dứt các hành vi, lời lẽ thái độ không đúng mực đối với bà, phải công khai xin lỗi bà khi bà đến yêu cầu làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 3; Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu này của bà G.

- Đối với yêu cầu đề nghị UBND xã A phải tiếp nhận, xác nhận hồ sơ để bà làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND xã A không tiếp nhận, hành vi không tiếp nhận hồ sơ của bà G là hành vi của UBND xã A, là hành vi hành chính theo quy định tại Điều 3, khoản 1, Điều 30; khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Về thủ tục tố tụng*:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đối thoại để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên các bên đều không thống nhất, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là ông Phạm Hữu G1 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[5] Về nội dung khiếu kiện:

Gia đình bà Nguyễn Thị G đang quản lý và sử dụng thửa đất 383 tờ bản đồ số 01, diện tích là: 456 m^2 (trong đó gồm 300 m^2 đất ở và 156 m^2 đất cây lâu năm) địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (như sổ đăng ký đất đai năm 1993, Thông báo nộp thuế của Chi cục thuế huyện Q đối với diện tích đất ở là 300m^2, ngoài ra UBND xã A có thông báo về việc nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (thuế nhà đất) số 12 ngày 16/7/2012 đối với diện tích đất là 300m^2). Ngày 07/3/2023 bà G đến Bộ phận một cửa của UBND xã A nộp đơn đề nghị ngày

06/3/2023 và hồ sơ đề nghị UBND xã A xác nhận diện tích đất ở là 300 m^2 và 156 m^2 đất cây lâu năm đối với thửa đất trên để bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ông Nguyễn Duy B công chức tư pháp UBND xã A xác nhận vào đơn với nội dung UBND xã không tiếp nhận đơn và hồ sơ như bà G đề nghị là 300m^2, do không đúng với quy định trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công dân trong địa bàn xã A.

Xét thấy; theo quy định tại Điều 60 Nghị định 43/2014/NĐ - CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn về thủ tục hành chính về quản lý và sử dụng đất đai quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai quy định:

"*.....Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Trường hợp đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai.*

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do không đủ điều kiện giải quyết…"

Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn về thủ tục hành chính về quản lý và sử dụng đất đai quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai quy định:

1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định để làm thủ tục đăng ký.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc như sau:

a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch.

Trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất thì xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định này thì xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản; đối với nhà ở, công trình xây dựng thì xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng

nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ;

b) Trường hợp chưa có bản đồ địa chính thì trước khi thực hiện các công việc tại Điểm a Khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp (nếu có);

c) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai và gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai….”

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã A phải tiếp nhận đơn đề nghị, hồ sơ của bà G để xem xét về hình thức và nội dung theo trình tự quy định. Nếu đơn và hồ sơ đầy đủ thì đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà G. Nếu chỉ có đơn và chưa có hồ sơ đầy đủ hoặc chưa đủ điều kiện đăng ký quyền sử dụng đất thì phải trả lại đơn có văn bản nêu rõ lý do vì sao chưa đủ điều kiện đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên cho bà G để bà biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, hành vi không tiếp nhận đơn đề nghị, hồ sơ của bà G ngày 07/3/2023 của UBND xã A là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, do đó bà G khởi kiện yêu cầu UBND xã A chấm dứt hành vi hành chính đối với bà và phải tiếp nhận đơn đề nghị và hướng dẫn làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất bà G kê khai theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà G được chấp nhận nên bị đơn UBND xã A phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 116, 157, 158, 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G:

Tuyên bố hành vi không tiếp nhận giải quyết đơn đề nghị, hồ sơ để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/3/2023 đối với bà Nguyễn Thị G của UBND xã A là trái pháp luật. Buộc UBND xã A phải tiếp nhận hồ sơ, xác nhận hồ sơ để bà Nguyễn Thị G đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không xem xét giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, chủ tịch UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình phải chấm dứt các hành vi, lời lẽ thái độ không đúng mực đối với bà, phải công khai xin lỗi bà do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân xã A phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị G, UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/9/2023).

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng